Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 30**

*Thực hiện từ ngày 28 tháng 04 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 10A1 (Tiến) | | 10A2 (Cúc) | | 10B1 (Thuận) | | 10B2 (Tấn Dũng) | | 10B3 (Cành) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Sử - Cúc | CĐ (Toán) - Đồng | | GDKTPL - Hằng Nga | Chào cờ | CĐ (Toán) - AnhT | Chào cờ | Văn - Cường | Chào cờ | Sinh - Nụ |
| | 2 | CN - Tiến | CĐ(Lí) - Thị Xuân | | CĐ(CN) - Di | CĐ(Lí) - Phương | Sinh - Na | Địa - Thuận | Sử - Trang | Toán - Cành | Sử - Cúc |
| | 3 | | GDKTPL - Thủy | CĐ(Lí) - Thị Xuân | CĐ(CN) - Di | CĐ(Lí) - Phương | HĐTN-HN - Loan | HĐTN-HN - Tấn Dũng | CĐ(Lí) - Phương | Địa - Thuận | Lí - Thị Xuân |
| | 4 | | Lí - Thị Xuân | Sử - Cúc | Hóa - Mùa | CĐ (Sử) - Loan | HĐTN-HN - Loan | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Sinh - Nụ | CĐ(Lí) - Thị Xuân | CĐ (Toán) - Cành |
| | 5 | | Chào cờ | | Chào cờ | CĐ (Sử) - Loan | Toán - AnhT | CĐ (Sử) - Trang | CĐ (Toán) - Cành | CĐ(Lí) - Thị Xuân | |
| 3 | 1 | Toán - Đồng | Văn - Dũng | Toán - Bé | CN - Di | | Văn - Bích | | Lí - Phương | CĐ (Sử) - Cúc | |
| | 2 | CĐ(CN) - Tiến | CĐ (Toán) - Đồng | CĐ (Toán) - Bé | Lí - Thị Xuân | | Sử - Loan | | CĐ (Toán) - Cành | CĐ (Sử) - Cúc | |
| | 3 | CĐ(CN) - Tiến | HĐTN-HN - Tiến | HĐTN-HN - Cúc | Văn - Dũng | | CĐ (Toán) - AnhT | | Toán - Cành | GDKTPL - Thủy | HĐTN-HN - Tấn Dũng |
| | 4 | CĐ(Lí) - Thị Xuân | HĐTN-HN - Tiến | HĐTN-HN - Cúc | CĐ (Toán) - Bé | | Địa - Thuận | | CĐ(Lí) - Phương | CĐ (Toán) - Cành | HĐTN-HN - Tấn Dũng |
| | 5 | | Hóa - Mùa | | CĐ(Lí) - Thị Xuân | | Lí - Phương | | CĐ (Sử) - Trang | | Văn - Cường |
| 4 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 30**

*Thực hiện từ ngày 28 tháng 04 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 10C1 (Hải) | | 10C2 (Đồng) | | 10C3 (Huyên) | | 11A1 (Cường) | | 11A2 (Mùa) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | CĐ(Lí) - Phương | CN - Hải | | Sử - Loan | Toán - AnhT | Sinh - Tú | | CN - Tiến | Chào cờ | HĐTN-HN - Mùa |
| | 2 | Văn - Bích | Toán - AnhT | | Toán - Đồng | CĐ (Toán) - AnhT | Lí - Huyên | | Văn - Cường | Sử - Trang | HĐTN-HN - Mùa |
| | 3 | | HĐTN-HN - Hải | CN - Tiến | CĐ(CN) - Tiến | | CĐ(Lí) - Huyên | CĐ (Toán) - AnhT | Toán - AnhT | Hóa - Mùa | Toán - Đồng |
| | 4 | | HĐTN-HN - Hải | CĐ(Lí) - Phương | CĐ(Lí) - Phương | | CĐ(Lí) - Huyên | CĐ (Toán) - AnhT | CĐ(CN) - Tiến | CĐ(CN) - Tiến | CĐ (Toán) - Đồng |
| | 5 | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | CĐ(Lí) - Phương | Lí - Phương |
| 3 | 1 | CĐ(Lí) - Phương | Địa - Thuận | Sinh - Na | CĐ(CN) - Tiến | CĐ(CN) - Hải | HĐTN-HN - Huyên | GDKTPL - Thủy | Hóa - Mùa | CĐ(CN) - Tiến | Văn - Cường |
| | 2 | Lí - Phương | CĐ(CN) - Hải | CĐ (Toán) - Đồng | Văn - Dũng | CĐ (Toán) - AnhT | HĐTN-HN - Huyên | Sử - Loan | CĐ(CN) - Tiến | GDKTPL - Thủy | CĐ(Lí) - Phương |
| | 3 | Sinh - Na | CĐ(CN) - Hải | HĐTN-HN - Tấn Dũng | Lí - Phương | CN - Hải | Địa - Thuận | CĐ(Lí) - Phương | HĐTN-HN - Loan | CĐ (Toán) - Đồng | |
| | 4 | Sử - Trang | CĐ (Toán) - AnhT | HĐTN-HN - Tấn Dũng | CĐ (Toán) - Đồng | Sử - Loan | Văn - Cường | CĐ(Lí) - Phương | HĐTN-HN - Loan | CN - Tiến | |
| | 5 | | CĐ (Toán) - AnhT | | Địa - Thuận | | CĐ(CN) - Hải | Lí - Phương | | | |
| 4 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 30**

*Thực hiện từ ngày 28 tháng 04 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 11A3 (Thị Xuân) | | 11B1 (Vinh) | | 11B2 (Lai) | | 11B3 (Trang) | | 11C1 (Na) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | CĐ(Lí) - Thị Xuân | Sử - Trang | Chào cờ | CĐ (Sử) - Cúc | Chào cờ | CĐ(Tin) - Lai | Chào cờ | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | | Sinh - Na |
| | 2 | CĐ(Lí) - Thị Xuân | CN - Hải | Sử - Cúc | CĐ(Tin) - Lai | CĐ (Sử) - Loan | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | Toán - Thị Tuyết | Sinh - Nụ | | Văn - Dũng |
| | 3 | | Văn - Cường | HĐTN-HN - Vinh | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | Sử - Loan | Sinh - Nụ | CĐ(Tin) - Lai | HĐTN-HN - Lai | | Sử - Cúc |
| | 4 | | GDKTPL - Thủy | HĐTN-HN - Vinh | Sinh - Na | Tin - Lai | Toán - Thị Tuyết | Địa - Thuận | HĐTN-HN - Lai | | CN - Di |
| | 5 | | Chào cờ | CĐ (Sử) - Cúc | Tin - Lai | CĐ(Tin) - Lai | Văn - Dũng | | GDKTPL - Thủy | | Chào cờ |
| 3 | 1 | CĐ (Toán) - AnhT | CĐ (Toán) - AnhT | | CĐ(Tin) - Lai | | CĐ (Sử) - Loan | CĐ (Sử) - Trang | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | CĐ(CN) - Di | HĐTN-HN - Tấn Dũng |
| | 2 | CĐ(CN) - Hải | Hóa - Mùa | | Văn - Cường | | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | CĐ (Sử) - Trang | CĐ(Tin) - Lai | CĐ(Lí) - Thị Xuân | HĐTN-HN - Tấn Dũng |
| | 3 | Toán - AnhT | Lí - Thị Xuân | | Toán - Thị Tuyết | | Địa - Hưng | | Tin - Lai | CĐ(Lí) - Thị Xuân | Hóa - Mùa |
| | 4 | HĐTN-HN - Hải | CĐ(CN) - Hải | | CĐ (Toán) - Thị Tuyết | | HĐTN-HN - Lai | | Sử - Trang | CĐ (Toán) - Đồng | CĐ(CN) - Di |
| | 5 | HĐTN-HN - Hải | | | Địa - Hưng | | HĐTN-HN - Lai | | Văn - Dũng | CĐ (Toán) - Đồng | Toán - Đồng |
| 4 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 30**

*Thực hiện từ ngày 28 tháng 04 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 11C2 (Trung) | | 11C3 (Di) | | 12A1 (AnhH) | | 12A2 (Nga) | | 12A3 (Bé) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | | Lí - Thị Xuân | | CĐ(CN) - Di | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | GDKTPL+ - Thủy |
| | 2 | | Sinh - Tú | | Sử - Loan | SHL - AnhH | | SHL - Nga | GDKTPL+ - Hằng Nga | SHL - Bé | GDKTPL+ - Thủy |
| | 3 | | Văn - Dũng | | Sinh - Tú | Văn+ - Bích | | Văn+ - Thanh | GDKTPL+ - Hằng Nga | Toán+ - Bé | |
| | 4 | | Sử - Cúc | | Văn - Dũng | Lí+ - Hà | | Văn+ - Thanh | | | |
| | 5 | | Chào cờ | | Chào cờ | Lí+ - Hà | | | | | |
| 3 | 1 | HĐTN-HN - Tấn Dũng | CĐ(Lí) - Thị Xuân | CĐ(Lí) - Thị Xuân | CĐ (Toán) - Trung | Toán+ - Trung | | | Sử+ - Nga | Văn+ - AnhV | |
| | 2 | HĐTN-HN - Tấn Dũng | CĐ(CN) - Di | CĐ(CN) - Di | CĐ (Toán) - Trung | Toán+ - Trung | | | Sử+ - Nga | Văn+ - AnhV | |
| | 3 | CĐ(CN) - Di | CN - Di | Toán - Trung | Hóa - AnhH | Văn+ - Bích | | | Toán+ - Trung | Toán+ - Bé | |
| | 4 | CĐ (Toán) - Trung | Hóa - Mùa | HĐTN-HN - Di | Lí - Thị Xuân | GDKTPL+ - Thủy | | | Toán+ - Trung | Sử+ - Nga | |
| | 5 | CĐ (Toán) - Trung | Toán - Trung | HĐTN-HN - Di | CN - Di | GDKTPL+ - Thủy | | | | Sử+ - Nga | |
| 4 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 30**

*Thực hiện từ ngày 28 tháng 04 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 12B1 (Nụ) | | 12B2 (Hưng) | | 12B3 (Yến) | | 12B4 (AnhV) | | 12C1 (Thanh) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | | Chào cờ | |
| | 2 | SHL - Nụ | | SHL - Hưng | | SHL - Yến | | SHL - AnhV | | SHL - Thanh | |
| | 3 | Địa+ - Hưng | | Sử+ - Nga | | Toán+ - Cành | | Toán+ - Thị Tuyết | | Lí+ - Hà | |
| | 4 | Địa+ - Hưng | | Sử+ - Nga | | Văn+ - AnhV | | Toán+ - Thị Tuyết | | Toán+ - Bé | |
| | 5 | Văn+ - Bích | | Địa+ - Hưng | | Sử+ - Nga | | Văn+ - AnhV | | Toán+ - Bé | |
| 3 | 1 | | Toán+ - Bé | Toán+ - Cành | | Địa+ - Hưng | | Sử+ - Nga | | | Sử+ - Trang |
| | 2 | | Toán+ - Bé | Toán+ - Cành | | Địa+ - Hưng | | Sử+ - Nga | | | Sử+ - Trang |
| | 3 | | Sử+ - Nga | Địa+ - Hưng | | Sử+ - Nga | | Văn+ - AnhV | | | Lí+ - Hà |
| | 4 | | Sử+ - Nga | Văn+ - Bích | | Văn+ - AnhV | | Địa+ - Hưng | | | Văn+ - Thanh |
| | 5 | | Văn+ - Bích | Văn+ - Bích | | Toán+ - Cành | | Địa+ - Hưng | | | Văn+ - Thanh |
| 4 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |

Trung tâm GDNN-GDTX thành phố Bến Cát
Năm học 2024 - 2025
Học kỳ 2

# THỜI KHOÁ BIỂU HV

**Số 30**

*Thực hiện từ ngày 28 tháng 04 năm 2025*

| THỨ | TIẾT | 12C2 (Tú) | | 12C3 (Thanh Xuân) | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều | Sáng | Chiều |
| 2 | 1 | Chào cờ | | Chào cờ | Hóa+ - AnhH | | | | | | |
| | 2 | SHL - Tú | | SHL - Thanh Xuân | Hóa+ - AnhH | | | | | | |
| | 3 | Sử+ - Trang | | Lí+ - Thanh Xuân | Toán+ - Cành | | | | | | |
| | 4 | Sử+ - Trang | | Lí+ - Thanh Xuân | | | | | | | |
| | 5 | Toán+ - Thị Tuyết | | Văn+ - Thanh | | | | | | | |
| 3 | 1 | | Lí+ - Hà | | Hóa+ - AnhH | | | | | | |
| | 2 | | Lí+ - Hà | | Hóa+ - AnhH | | | | | | |
| | 3 | | Văn+ - Bích | | Văn+ - Thanh | | | | | | |
| | 4 | | Văn+ - Bích | | Toán+ - Cành | | | | | | |
| | 5 | | Toán+ - Thị Tuyết | | | | | | | | |
| 4 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 5 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 6 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |
| 7 | 1 | | | | | | | | | | |
| | 2 | | | | | | | | | | |
| | 3 | | | | | | | | | | |
| | 4 | | | | | | | | | | |
| | 5 | | | | | | | | | | |